

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 46 /2024/DS-GĐT

Ngày 31 tháng 8 năm 2024

V/v “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn - Thẩm phán cao cấp;

Ông Chu Thành Quang - Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tú Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Đòi tài sản” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L; sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956;

3.2. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1971;

3.3. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1962 (đã chết): Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H: Bà Nguyễn Thị A (vợ ông H).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1957;

3.5. Chị Hoàng Thị Phương Th, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.6. Chị Hoàng Thị Thu Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 16, khu 1B, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

3.7. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị L trình bày:

Gia đình bà có một mảnh đất diện tích 2 sào, 6 thước tại khu vực Suối Me, thôn L, xã Vạn Thắng. Nguồn gốc mảnh đất này do gia đình ông Hoàng Văn N chuyển nhượng cho gia đình bà. Gia đình ông N vay của gia đình bà số tiền 2.188.000đ, có lập Giấy biên nhận ngày 14/01/1993, hai bên thỏa thuận đến ngày 06/02/1993 nếu gia đình ông N không trả tiền sẽ nhượng lại thửa đất trên cho gia đình bà. Sau ngày 06/02/1993, do không trả được tiền nên gia đình ông N đã chuyển nhượng diện tích nêu trên cho gia đình bà, việc chuyển nhượng được UBND xã Vạn Thắng, ông Nguyễn Văn Á là đại diện Hợp tác xã xác nhận, ký vào giấy biên nhận.

Ngày 22/3/2002, gia đình bà làm giấy phân chia tài sản là thửa đất nêu trên, $\frac{1}{2}$ diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị M (con gái bà), còn lại $\frac{1}{2}$ bán để lấy tiền làm nhà cho ông Hoàng Văn H (con trai bà). Tuy nhiên, do chưa có điều kiện làm nhà nên gia đình bà chưa bán diện tích đất trên mà tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngày 15/02/2018, gia đình bà chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho anh Hoàng Văn M, việc chuyển nhượng có giấy tờ viết tay. Từ thời điểm gia đình bà chuyển nhượng đất cho anh M, gia đình ông N liên tục đến phá hoại tài sản trên đất, hành hung và không cho gia đình bà đến sử dụng khu đất. Từ năm 2018 đến nay, gia đình ông N sử dụng, đào xới và làm thay đổi hiện trạng thửa đất làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét, buộc gia đình ông N phải trả lại diện tích đất trên cho gia đình bà.

Bị đơn là ông Hoàng Văn N trình bày:

Năm 1993, ông vay của ông Hoàng Thanh S (con trai bà L) một số tiền để làm ăn nhưng bị thu lỗ; đến đầu tháng 6/2018 ông nhận nợ của ông S số tiền 2.188.000đ cả gốc và lãi thành 100.000.000đ. Gia đình ông đã trả đủ tiền cho bà Lê Thị T (vợ ông S, ông S chết năm 2002). Bà L không liên quan đến việc vay nợ giữa ông và ông S. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là vợ của ông N, bà không biết việc ông N vay tiền của ông S. Sau khi ông S chết, bà T đến đòi tiền thì bà mới biết năm 1993 ông N vay của ông S 3 chỉ vàng, tính cả lãi là 2.188.000đ. Gia đình bà đã trả hết tiền cho bà T, khi vay tiền ông N không thể chấp đất cho ông S. Gia đình bà sử dụng ổn định diện tích đất tranh chấp tại khu vực S, thôn L, xã Vạn Thắng từ khi mua cho đến nay. Bà L khởi kiện đòi diện tích này là không có căn cứ.

Bà Lê Thị T trình bày: Bà là vợ của ông S (con trai bà L), ông S chết năm

2002. Năm 1992 ông S có làm ăn kinh tế với ông N. Do ông N không có vốn nên ông S bỏ vốn ra để ông N cùng làm nhưng bị thua lỗ. Ông S và ông N quyết toán với nhau, ông N còn nợ ông S 2.188.000đ. Ngày 14/01/1993 ông N viết giấy biên nhận với nội dung có nợ ông S số tiền nêu trên, nếu ông N không trả được tiền thì phải nhượng lại cho ông S diện tích 2 sào, 6 thước tại khu vực S, thôn L, xã Vạn Thắng. Mục đích viết ông N nhượng lại đất là để ông N có ý thức trả tiền cho ông S. Sau khi không trả được tiền thì ông N cũng không chuyển nhượng đất, diện tích đất nêu trên ông N vẫn sử dụng ổn định và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế từ năm 1993 đến nay. Số tiền 2.188.000đ ông S cho ông N vay năm 1992 là tài sản chung của vợ chồng bà, không liên quan đến bà L; ông S không có mục đích lấy đất của ông N; bà L không có quyền khởi kiện.

Bà Hoàng Thị M trình bày: Ngày 14/01/1993 ông N vay của gia đình bà số tiền 2.188.000đ. Ông N thỏa thuận đến hết ngày 06/02/1993 không trả tiền sẽ đồng ý nhượng lại mảnh đất nêu trên cho anh S. Tuy nhiên bản chất là nhượng lại cho gia đình bà vì anh S không phải là người cho vay tiền. Số tiền 2.188.000đ là tiền của gia đình cho ông N vay, ông S chỉ là người đứng tên thay cho gia đình trên giấy tờ vay, chuyển nhượng năm 1993. Từ năm 1993 đến khi gia đình bà chuyển nhượng mảnh đất cho anh Hoàng Văn M, gia đình bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp với gia đình ông N. Do đó, ngày 22/3/2002 bố mẹ bà là ông Hoàng Văn H, bà Đỗ Thị L đã họp gia đình để phân chia diện tích đất nêu trên, nội dung : ½ đất chia cho bà, ½ đất còn lại bán và cộng với tiền của anh S, anh D, bố mẹ để làm nhà ở cho anh H. Khi họp gia đình, tất cả các thành viên trong đó có bà T có mặt, nhưng chỉ có con trai và con gái ký vào giấy phân chia đất, có xác nhận của UBND xã Vạn Thắng. Bà khẳng định diện tích đất nêu trên là tài sản chung của gia đình bà, không phải là tài sản riêng của ai, kể cả anh S.

Anh Hoàng Văn D trình bày: Nhất trí với trình bày của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.
2. Xác định thửa đất 400m² tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là của gia đình bà L từ ngày 06/02/1993.
3. Buộc ông N phải trả lại cho gia đình bà L thửa đất 400m² tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/01/2022, ông N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 12/01/2022, bà T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 246/2021/DS-PT ngày 14/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.

Xác định thửa đất 732,9m² tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là của gia đình bà L.

Buộc ông Hoàng Văn N phải trả lại cho gia đình bà L thửa đất 732,9m² tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội (có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định án phí.

Ngày 03/11/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn N đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 16/2024/KN-DS ngày 04/7/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 246/2021/DS-PT ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất diện tích 2 sào 6 thước tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là của gia đình ông Hoàng Văn N.

[2] Bà Đỗ Thị L cho rằng ngày 14/01/1993, ông N vay của gia đình bà số tiền 2.188.000đ, khi vay hai bên có lập Giấy biên nhận và do ông S thay mặt gia đình ký; đến ngày 06/02/1993 ông N không trả được tiền theo thỏa thuận nên đã chuyển nhượng thửa đất có diện tích 2 sào 6 thước tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì cho gia đình bà. Năm 2018, khi gia đình bà chuyển nhượng ½ diện tích đất cho anh Hoàng Văn M và anh M xây dựng công trình trên đất thì gia đình ông N liên tục đến phá hoại tài sản trên đất và hành hung, không cho gia đình bà và gia đình anh M sử dụng đất. Từ năm 2018 đến nay, gia đình ông N sử dụng, đào xới và làm thay đổi hiện trạng thửa đất nên bà L khởi kiện đề nghị gia đình ông N trả lại diện tích 2 sào 6 thước cho gia đình bà L.

[3] Ông Hoàng Văn N trình bày: Ngày 14/01/1993 ông vay của ông Hoàng Thanh S (con trai bà L) số tiền 2.188.000đ có viết Giấy biên nhận, tháng 6/2018 gia đình ông đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi là 100.000.000đ cho bà Lê Thị T (vợ ông S). Ông N cho rằng bà L không liên quan đến việc vay nợ giữa ông và ông S nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Tại Giấy biên nhận lập ngày 14/01/1993 (bản phô tô) giữa ông N và ông Hoàng Thanh S thể hiện ông N vay của ông S số tiền 2.188.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày số tiền 2.188.000đ cho ông N vay là tiền của gia đình bà, không phải tiền của ông S nhưng bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khi bà Lê Thị T (là vợ của ông S) cho rằng nguồn gốc số tiền 2.188.000đ ông S cho ông N vay là tiền của vợ chồng bà, không liên quan đến bà L.

[5] Tại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất của cha mẹ” ngày 22/3/2002 thể hiện bà L và ông Hoàng Văn H (chồng bà L) có 4 mảnh đất gồm: (1) mảnh đất do các cụ để lại (giao cho Hoàng Minh S sử dụng), (2) mảnh đất mua của nhà ông (Đàn H) giao cho con Hoàng Văn D sử dụng, (3) mảnh đất ở Bàn giàn giao cho con thứ hai Hoàng Văn H sử dụng, (4) mảnh đất ở ngoài cầu cho con gái Hoàng Thị M một nửa, còn một nửa để bán. Giấy chứng nhận có chữ ký của ông H, bà L, ông S, ông H, bà M, ông D, xác nhận của UBND xã Vạn Thắng. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Giấy biên nhận ngày 14/01/1993 thể hiện người cho vay là ông S ký nhưng tại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ” ngày 22/3/2002 thể hiện nội dung thửa đất mua của ông N là của gia đình bà L mua, ông S còn sống cùng ký vào biên bản (có xác nhận của UBND xã Vạn Thắng), bà T thừa nhận có cuộc họp này nhưng không có ý kiến nên có cơ sở xác định số tiền cho ông N vay là của gia đình bà L, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc xác định thửa đất tranh chấp là của gia đình bà L. Tuy nhiên, “Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất của cha mẹ” trên không thể hiện ông H, bà L có thửa đất nhận chuyển nhượng của ông N.

[6] Tại Giấy xác nhận năm 2020 về việc phân chia tài sản chung của gia đình, bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn D xác nhận số tiền 2.188.000đ cho ông N vay là của gia đình các ông bà, không phải của riêng cá nhân ông S. Giấy xác nhận này không có chữ ký của ông S và được lập sau thời điểm bà L khởi kiện.

[7] Mặt khác, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2022 thể hiện trên đất có một số cây ăn quả và 02 mái lán nhỏ. Ông N trình bày từ năm 1990 đến năm 2017, đất vẫn là đất trũng chỉ có thể trồng lúa và trồng rau nước, từ năm 2017 gia đình ông đắp đất cao lên để trồng cây ăn quả và rau xanh. Bà Nguyễn Thị A (là con dâu bà L) trình bày trước đây trên phần đất tranh chấp có một số cây ăn quả và tường bao do gia đình bà L trồng nhưng gia đình ông N đã phá hết. Quá trình giải quyết vụ án, bà L xuất trình Giấy xác nhận (phô tô) ngày 03/6/2019 của các bà Hoàng Thị S, ông Bùi Văn Th, bà Phùng Thị H,... xác nhận bà L sử dụng đất từ năm 1993 đến cuối năm 2017.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xác minh, làm rõ sau khi lập Giấy biên nhận năm 1993, ai là người quản lý, sử dụng đất từ năm 1993 đến năm 2017; thửa đất “ngoài cầu” giao cho bà M được thể hiện trong “Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất” ngày 22/3/2002 có phải là thửa đất đang tranh chấp không; nguồn gốc số tiền cho ông N vay là của vợ chồng ông S, bà T hay của gia đình bà L; không xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quá trình sử dụng đất; không triệu tập, xác minh lời khai của bà Hoàng Thị S, ông Bùi

Văn Th, bà Phùng Thị H mà chỉ căn cứ vào Giấy xác nhận ngày 03/6/2019 (phô tô) do bà L xuất trình (không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc xác nhận chữ ký của các ông Th, bà S, bà H) để nhận định việc gia đình bà L sử dụng đất từ năm 1993 đến năm 2017; từ đó xác định diện tích 2 sào 6 thước tại thôn L thuộc quyền sử dụng của gia đình bà L là chưa đủ cơ sở, không đúng quy định tại khoản 3 Điều 94, Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Hơn nữa, theo Giấy biên nhận lập ngày 14/01/1993 thể hiện ông N chuyển nhượng cho ông S 2 sào 6 thước trước cửa nhà. Theo kết quả xác minh ngày 08/7/2020 tại UBND xã Vạn Thắng: thửa đất tranh chấp có diện tích 400m², theo bản đồ 299 đo năm 1996 thể hiện thửa đất này gồm 3 thửa (thửa 842 diện tích 68m², thửa 847 diện tích 260m², thửa 846 diện tích 523m²), hiện trạng diện tích thiếu hơn là do chỉ còn ½ thửa 846. Tại bản đồ 299 không thể hiện loại đất và tên người sử dụng, theo sổ mục kê năm 1995 thì thửa đất này số thứ tự 141 đứng tên ông Hoàng Văn N, diện tích 400m², số tiền đã nộp cho HTX 400.000đ. Theo kết quả thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm, thửa đất tranh chấp có diện tích 732,9m². Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xác minh, làm rõ thời điểm ông N mua đất của HTX, diện tích thửa đất là bao nhiêu; lý do diện tích trên sổ mục kê chỉ còn 400m²; lý do diện tích thực trạng lớn hơn diện tích trên sổ mục kê; diện tích nằm trong sổ mục kê, nằm ngoài sổ mục kê ở vị trí nào.

[10] Với các nội dung nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xác nhận thửa đất có diện tích 732,9m² (theo thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp phúc thẩm), còn Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận thửa đất có diện tích 400m² tại thôn L, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là của gia đình bà L đều là chưa đủ căn cứ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có cơ sở, cần hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 246/2021/DS-PT ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 342; khoản 3 Điều 343; Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 16/2024/KN-DS ngày 04/7/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 246/2021/DS-PT ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội về vụ án “Đòi tài sản” giữa nguyên đơn là bà Đỗ Thị L với bị đơn là ông Hoàng Văn N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S, ông Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn H (đã chết – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Nguyễn Thị A), bà Lê Thị T, chị Hoàng Thị Phương Th, chị Hoàng Thị Thu Th, bà Hoàng Thị M.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì, Tp Hà Nội (02b, kèm HSVA);
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì, Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.GĐKT2, P.HCTP, P.VTLT; HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Xuân